

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 180/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-12-2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Văn Nhung;

Bà Hoàng Lê Chi.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Hồng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 516/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 148/2024/QĐST - HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Võ Phương T, sinh năm 1993; thường trú: thôn B, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ liên hệ: số I đường N, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* anh Hồ Văn T1, sinh năm 1993; thường trú: số H, ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre; tạm trú: số B, đường số A, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Võ Phương T trình bày:

Vợ chồng chị T và anh T1 có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà trọ cùng sinh sống chung tại thành phố D, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu sau kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc cho đến năm 2022 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T1 thường xuyên đánh bạc, uống rượu dẫn đến không cùng chị T chăm lo vấn đề kinh tế trong gia đình, chửi bới và xúc phạm chị T. Vợ chồng ly thân từ tháng 6/2024 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hồ Văn T1.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Hồ Anh T2, sinh ngày 19/6/2016, hiện tại cháu T2 đang sinh sống cùng với chị T. Chị T yêu cầu sau ly hôn trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hồ Anh T2, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị Võ Phương T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Hồ Văn T1:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu anh T1 có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T nhưng anh T1 không có ý kiến, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu anh T1 tham gia hòa giải nhưng anh T1 vắng mặt không có lý do, đồng thời chị T có yêu cầu từ chối hòa giải. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu anh T1 tham gia phiên tòa vào ngày 13/12/2024 và ngày 30/12/2024 nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị T được xem xét trên cơ sở chứng cứ do chị T cung cấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào ngày 13/12/2024 và ngày 30/12/2024 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn chị Võ Phương T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Hồ Văn T1 đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Võ Phương T và anh Hồ Văn T1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 29/02/2016 theo giấy chứng nhận kết hôn số 15/2016 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị T xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn cụ thể là do anh T1 thường xuyên đánh bạc, uống rượu, không cùng chị T chăm lo kinh tế trong gia đình, chửi bới xúc phạm chị T. Vợ chồng ly thân tháng 6/2024 cho đến nay. Nay, chị T xác định không còn tình cảm với anh T1 nên yêu cầu ly hôn. Quá trình tố tụng, Tòa án triệu tập anh T1 đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T và cung cấp chứng cứ liên quan đến vụ án nhưng anh T1 không đến. Điều này chứng tỏ bản thân anh T1 cũng không muốn vợ chồng có cơ hội để đoàn tụ với nhau, còn chị T xác định không còn tình cảm với anh T1. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, chị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: quá trình chung sống anh, chị có 01 con chung là cháu Hồ Anh T2, sinh ngày 19/6/2016. Xét thấy, trong suốt quá trình tố tụng anh T1 không có ý kiến thể hiện nguyện vọng mong muốn nuôi con chung hay không, hơn nữa trong khoảng thời gian hai vợ chồng không sống chung với nhau thì cháu T2 do chị T nuôi dưỡng, để tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu T2, nên cần tiếp tục giao cháu T2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, điều này cũng đúng với nguyện vọng của cháu T2. Do đó, chị Võ Phương T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về cấp dưỡng: chị Võ Phương T tự nguyện không yêu cầu anh Hồ Văn T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị Võ Phương T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Võ Phương T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Phương T về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với anh Hồ Văn T1.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Võ Phương T được ly hôn với anh Hồ Văn T1 (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 15/2016 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre cấp ngày 29/02/2016).

- Về con chung: anh Hồ Văn T1 có trách nhiệm giao con chung là cháu Hồ Anh T2, sinh ngày 19/6/2016 cho chị Võ Phương T tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Võ Phương T không yêu cầu anh Hồ Văn T1 cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị Võ Phương T và anh Hồ Văn T1 có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị Võ Phương T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Võ Phương T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001731 ngày 14/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị T3

